|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**  Luật số: /2022/QH15 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**LUẬT**

**DỰ THẢO**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**CỦA LUẬT TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện**

1. **Sửa đổi, bổ sung các điểm c và h khoản 2 Điều 5 như sau:**

“c) Cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; quản lý lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;

h) Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ vô tuyến điện; quản lý việc đào tạo và việc cấp Chứng chỉ vô tuyến điện viên;”.

1. **Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:**

*Phương án 1: Nếu bổ sung điểm d khoản 4 Điều 18 thì không sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9*

*Phương án 2: Nếu bổ sung khoản 4 Điều 45 thì sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:*

“2. Sử dụng tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh vào mục đích khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật này.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung các điểm b và c khoản 1 Điều 11 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Quy hoạch băng tần là quy hoạch phân chia băng tần thành một hoặc nhiều khối băng tần cho một loại hệ thống thông tin vô tuyến điện và quy định việc phân bổ băng tần đó cho một hoặc nhiều tổ chức sử dụng theo những điều kiện cụ thể.

Đối với băng tần được quy hoạch cho hệ thống thông tin di động mặt đất công cộng thì việc phân bổ phải bao gồm giới hạn tối đa tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được cấp phép sử dụng trong băng tần được quy hoạch hoặc trong nhóm băng tần xác định.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Quy hoạch phân kênh tần số là quy hoạch phân chia một băng tần thành các kênh tần số cho một loại nghiệp vụ vô tuyến điện cụ thể theo một tiêu chuẩn nhất định và quy định điều kiện sử dụng các kênh tần số đó;”.

1. **Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11 như sau:**

“**Điều 11a. Sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài quy hoạch**

1. Các trường hợp sử dụng tần số vô tuyến điện không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy hoạch tần số vô tuyến điện bao gồm sử dụng cho mục đích triển lãm, đo kiểm, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới; sử dụng trong các sự kiện quốc tế, hội nghị quốc tế.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét cấp phép từng trường hợp cụ thể được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo điều kiện kỹ thuật, khai thác.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung khoản 3; bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 16 như sau:**

“3. Thời hạn của giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp theo đề nghị của tổ chức, cá nhân, nhưng không vượt quá thời hạn tối đa của từng loại giấy phép quy định tại khoản 2 Điều này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3a Điều này.

3a. Thời hạn của giấy phép sử dụng băng tần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển hoặc được cấp lại do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định nhưng không vượt quá thời hạn tối đa quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ quy định chi tiết về cấp, cấp lại, cấp đổi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

1. **Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:**

“**Điều 18. Phương thức cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện**

1. Phương thức cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện bao gồm:

a) Cấp giấy phép thông qua đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện trên cơ sở đánh giá hồ sơ đấu giá theo các tiêu chí về năng lực đầu tư, kỹ thuật nghiệp vụ, kinh doanh đảm bảo thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông và tiền trả giá khi tham gia đấu giá của tổ chức;

b) Cấp giấy phép thông qua thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện trên cơ sở đánh giá hồ sơ thi tuyển theo các tiêu chí về năng lực đầu tư, kỹ thuật nghiệp vụ, kinh doanh đảm bảo thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông của tổ chức và kết quả thi tuyển;

c) Cấp giấy phép trực tiếp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện trên cơ sở xem xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo nguyên tắc tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định trước được xét cấp trước.

2. Phương thức cấp giấy phép thông qua đấu giá áp dụng đối với:

a) Băng tần để thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất;

b) Băng tần, kênh tần số để thiết lập mạng viễn thông công cộng mặt đất khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông căn cứ vào tình hình phát triển của thị trường viễn thông trong nước và thông lệ quốc tế về cấp phép loại băng tần, kênh tần số này.

3. Phương thức cấp giấy phép thông qua thi tuyển áp dụng đối với băng tần, kênh tần số quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này khi cần phủ sóng công nghệ mới trên diện rộng trong một khoảng thời gian nhất định hoặc khi cần có tổ chức mới tham gia thị trường để thúc đẩy cạnh tranh cho hoạt động viễn thông.

Thủ tướng Chính phủ quyết định băng tần, kênh tần số được cấp phép thông qua thi tuyển theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Phương thức cấp giấy phép trực tiếp áp dụng đối với:

a) Băng tần, kênh tần số không thuộc băng tần, kênh tần số quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này;

b) Băng tần, kênh tần số quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này khi sử dụng cho mục đích thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông;

c) Băng tần, kênh tần số quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này khi cấp lại theo quy định tại Điều 20a của Luật này hoặc khi cấp trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh với thời hạn giấy phép không quá 03 năm;

*Phương án 1: Nếu không bổ sung khoản 4 Điều 45 thì bổ sung điểm d của khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 như sau:*

d) Băng tần, kênh tần số quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này khi cấp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh với thời hạn không quá 03 năm để phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong trường hợp đặc biệt.

Sau khi giấy phép hết thời hạn, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức đánh giá hiệu quả của việc sử dụng băng tần, kênh tần số đã cấp và đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định dừng sử dụng hoặc cho phép doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh tiếp tục sử dụng với thời hạn tối đa không quá 12 năm.

5. Việc cấp phép băng tần, kênh tần số quy định tại điểm d khoản 4 Điều này phải đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh; sự cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông; lượng tần số phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh chiếm tỷ lệ cơ bản trên tổng lượng tần số đề nghị cấp phép; phải nộp phí, lệ phí, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật.

6. Chính phủ quy định chi tiết về xác định giá khởi điểm, thẩm định điều kiện tham gia đấu giá, xử lý trường hợp chỉ có một tổ chức đăng ký tham gia đấu giá, một tổ chức tham gia đấu giá, một tổ chức trả giá, xử lý trong trường hợp đấu giá không thành, xử lý tiền đặt cọc, phê duyệt kết quả trúng đấu giá; về thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; về trình tự, thủ tục cấp phép quy định tại điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều này và các nội dung khác tại Điều này.”.

*Phương án 2: Nếu bổ sung khoản 4 Điều 45 thì bổ sung khoản 5 Điều 18 như sau:*

5. Chính phủ quy định chi tiết về xác định giá khởi điểm, thẩm định điều kiện tham gia đấu giá, xử lý trường hợp chỉ có một tổ chức đăng ký tham gia đấu giá, một tổ chức tham gia đấu giá, một tổ chức trả giá, xử lý trong trường hợp đấu giá không thành, xử lý tiền đặt cọc, phê duyệt kết quả trúng đấu giá; về thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và các nội dung khác tại Điều này.”.

1. **Bổ sung Điều 18a vào sau Điều 18 như sau:**

“**Điều 18a. Điều kiện tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và cam kết triển khai mạng viễn thông**

1. Điều kiện được tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện bao gồm:

a) Có đủ điều kiện quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này;

b) Có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông sử dụng băng tần, kênh tần số tương ứng với băng tần, kênh tần số được đấu giá, thi tuyển theo quy định của pháp luật về viễn thông;

c) Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật;

d) Có cam kết triển khai mạng viễn thông theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Nội dung cam kết triển khai mạng viễn thông bao gồm:

a) Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai;

b) Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý;

c) Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ tính từ thời điểm cấp phép;

d) Chất lượng dịch vụ viễn thông;

đ) Chuyển vùng dịch vụ viễn thông.

3. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định số lượng và nội dung cam kết, yêu cầu cụ thể của từng nội dung cam kết triển khai mạng viễn thông đối với từng băng tần, kênh tần số được đấu giá, thi tuyển hoặc cấp lại.

4. Tổ chức có hành vi vi phạm nội dung cam kết triển khai mạng viễn thông quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này bị đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần đã được cấp mà không được hoàn trả phí, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với phần tần số vô tuyến điện bị đình chỉ trong thời gian bị đình chỉ.

5. Chính phủ quy định chi tiết về xử lý vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông quy định tại Điều này.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19 như sau:**
2. **Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:**

“b) Người nước ngoài sử dụng đài vô tuyến điện nghiệp dư hoặc tần số vô tuyến điện cho mục đích khác theo quy định của Chính phủ;”.

1. **Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c và d khoản 2 như sau:**

“b) Có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông;

c) Có giấy phép hoạt động báo chí hoặc được quyền phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật;

d) Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện hoặc có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi đối với trường hợp quy định tại Điều 11a của Luật này;”.

1. **Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:**

“**Điều 20. Cấp giấy phép sử dụng băng tần**

1. Đối tượng được cấp giấy phép là tổ chức hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Điều kiện để được cấp giấy phép trực tiếp phải đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này. Trường hợp cấp lại, thực hiện theo quy định tại Điều 20a của Luật này.

3. Điều kiện để được cấp giấy phép thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến bao gồm:

a) Trúng đấu giá hoặc trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện;

b) Có giấy phép thiết lập mạng viễn thông sử dụng băng tần, kênh tần số trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

1. **Bổ sung Điều 20a vào sau Điều 20 như sau:**

“**Điều 20a. Cấp lại giấy phép sử dụng băng tần**

1. Cấp lại giấy phép sử dụng băng tần là việc cấp cho tổ chức quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với toàn bộ khối băng tần đã cấp trước đó khi giấy phép hết hiệu lực.

2. Băng tần được cấp lại quyền sử dụng tần số vô tuyến điện trong trường hợp tất cả các khối băng tần đã cấp phù hợp với việc phân chia các khối băng tần của quy hoạch băng tần tại thời điểm giấy phép sử dụng băng tần hết hiệu lực.

3. Chậm nhất 03 năm trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hiệu lực, Bộ Thông tin và Truyền thông phải thông báo quy hoạch băng tần được áp dụng tại thời điểm giấy phép sử dụng băng tần hết hiệu lực.

4. Các điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần:

a) Có đủ các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này;

b) Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật đối với băng tần, kênh tần số được đề nghị cấp lại và giấy phép viễn thông có liên quan đến băng tần, kênh tần số đó;

c) Nộp đủ, đúng thời hạn tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần, kênh tần số được đề nghị cấp lại theo quy định của pháp luật;

d) Có cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 18a của Luật này.

4. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần còn hiệu lực 06 tháng, tổ chức có nhu cầu được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải gửi Bộ Thông tin và Truyền thông hồ sơ đề nghị cấp lại.

Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp lại giấy phép sử dụng băng tần cho tổ chức chậm nhất là 30 ngày trước ngày giấy phép đã cấp hết hiệu lực; trong trường hợp không cấp lại thì phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

5. Giấy phép sử dụng băng tần được cấp lại khi hết thời hạn ghi trong giấy phép thì được xem xét gia hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này.

6. Không cấp lại giấy phép sử dụng băng tần đối với băng tần, kênh tần số được cấp cho mục đích thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông hoặc được cấp trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:**

“**Điều 22. Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp đổi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện**

1. Việc gia hạn giấy phép phải căn cứ vào các nguyên tắc cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện quy định tại Điều 17 của Luật này và các quy định sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được quy định cho từng loại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tương ứng;

b) Thời hạn hiệu lực của giấy phép còn lại ít nhất là 30 ngày đối với giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; 60 ngày đối với giấy phép sử dụng băng tần; 90 ngày đối với giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh;

c) Thời hạn hiệu lực của giấy phép được gia hạn không vượt quá thời hạn của giấy phép viễn thông, giấy phép hoạt động báo chí; hoặc phù hợp với quyền phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật;

d) Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép không vượt quá thời hạn tối đa quy định cho từng loại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tương ứng; trường hợp cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép tương ứng thì chỉ được xem xét gia hạn tối đa là một năm.

2. Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện phải căn cứ vào nguyên tắc cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện quy định tại Điều 17 của Luật này và các quy định sau đây:

a) Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện còn hiệu lực;

b) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định cho từng loại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện tương ứng;

c) Việc sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định tại các điều 19, 20, 20a và 21 của Luật này.

3. Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện được thực hiện trong trường hợp giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng.

4. Việc ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện trong trường hợp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện còn hiệu lực được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân không còn nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện thì phải có văn bản gửi Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện;

b) Đối với giấy phép được cấp không gắn với cam kết triển khai mạng viễn thông thì tổ chức, cá nhân ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện được hoàn trả phí sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đã nộp cho thời gian còn lại của giấy phép (làm tròn theo tháng) theo quy định của pháp luật nếu giấy phép còn hiệu lực ít nhất 30 ngày kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân;

c) Đối với giấy phép được cấp có gắn với cam kết triển khai mạng viễn thông thì tổ chức, cá nhân ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện không được hoàn trả phí sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đã nộp.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm đ, e và g khoản 1 như sau:

“đ) Nộp không đủ phí sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật mà không khắc phục để nộp đủ trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản;

e) Không triển khai trên thực tế các nội dung quy định của giấy phép sau thời hạn 02 năm, kể từ ngày được cấp giấy phép, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản này;

g) Khi giấy phép viễn thông, giấy phép hoạt động báo chí hoặc quyền phát sóng phát thanh, truyền hình tương ứng bị thu hồi;”;

b) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 1 như sau:

“h) Không khắc phục vi phạm về cam kết triển khai mạng viễn thông sau thời hạn bị đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”;

c) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Sau thời hạn một năm, kể từ ngày bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này nhưng chưa đến mức bị xử lý về hình sự, nếu đã khắc phục được hậu quả và có đủ điều kiện để được cấp giấy phép theo quy định của Luật này thì tổ chức, cá nhân được xét cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.”;

d) Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 như sau:

“3. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại khoản 1 Điều này không được hoàn trả lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, phí sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:**

“**Điều 24. Chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện**

1. Tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua đấu giá được phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho tổ chức khác sau 05 năm kể từ khi được cấp giấy phép sử dụng băng tần.

Tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần thông qua thi tuyển hoặc cấp trực tiếp không được chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chấp nhận việc chuyển nhượng và cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông, giấy phép sử dụng băng tần cho tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tổ chức nhận quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phù hợp với băng tần, kênh tần số nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông, điều kiện cấp giấy phép quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật này và phải kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng với điều kiện bảo đảm tổng độ rộng băng tần tổ chức đó được phép sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng không vượt quá giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được phép sử dụng quy định tại quy hoạch băng tần;

b) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết.

3. Các bên tham gia chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Chính phủ quy định chi tiết về chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần, kênh tần số được cấp thông qua đấu giá.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:**

“**Điều 31. Phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện**

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện phải nộp phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về tần số vô tuyến điện được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, bình đẳng trên cơ sở mục đích sử dụng; mức độ chiếm dụng phổ tần số vô tuyến điện; phạm vi phủ sóng; mức độ sử dụng tần số trong băng tần và địa bàn sử dụng tần số vô tuyến điện.

2. Tổ chức được cấp giấy phép sử dụng băng tần đối với băng tần, kênh tần số quy định tại khoản 2, khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 18 của Luật này phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

Tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được nộp vào ngân sách nhà nước.

3.

*Phương án 1: Nếu bổ sung điểm d khoản 4 Điều 18 thì quy định khoản 3 Điều 31 như sau:*

Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh được cấp phép sử dụng tần số vô tuyến điện để phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 của Luật này có nghĩa vụ nộp phí, lệ phí, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với lượng tần số vô tuyến điện sử dụng cho phát triển kinh tế.

*Phương án 2: Nếu bổ sung khoản 4 Điều 45 thì quy định khoản 3 Điều 31 như sau:*

Doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh sử dụng tần số vô tuyến điện cho mục đích quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế theo quy định tại khoản 4 Điều 45 của Luật này có nghĩa vụ nộp phí, lệ phí, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với lượng tần số vô tuyến điện sử dụng cho phát triển kinh tế trong băng tần phân bổ cho mục đích quốc phòng, an ninh.

4. Chính phủ quy định cụ thể mức thu, phương thức thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 32 như sau:**

“1. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không, vô tuyến điện nghiệp dư phải có Chứng chỉ vô tuyến điện viên, trừ trường hợp đã có chứng chỉ tương đương theo quy định của luật hoặc cam kết quốc tế có quy định khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không, vô tuyến điện nghiệp dư; quy định chứng chỉ vô tuyến điện viên, đối tượng, điều kiện, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên, công nhận chứng chỉ vô tuyến điện viên nước ngoài.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 42 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Phê duyệt kết quả phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh;”;

b) Bổ sung điểm d sau điểm c khoản 2 như sau:

“d) Kiểm tra, thông báo cho Liên minh Viễn thông quốc tế về đăng ký tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài có khả năng ảnh hưởng đến hệ thống vệ tinh của Việt Nam.”;

c) Bổ sung điểm e sau điểm đ khoản 3 như sau:

“e) Kiểm tra, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông kết quả kiểm tra các đăng ký tần số vô tuyến điện và quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài được Liên minh Viễn thông quốc tế công bố có khả năng ảnh hưởng đến vệ tinh đã được cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh.”.

1. **Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 45 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trường hợp Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có yêu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cho mục đích quốc phòng, an ninh ngoài các tần số vô tuyến điện đã được phân bổ riêng thì Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, chấp thuận, trừ băng tần, kênh tần số quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 18 của Luật này phải thực hiện phân bổ theo quy định tại khoản 1 Điều này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp có tình huống ảnh hưởng trực tiếp đến chủ quyền, an ninh quốc gia:

a) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được phép quyết định việc sử dụng thiết bị vô tuyến điện và việc sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài các tần số vô tuyến điện đã được phân bổ cho mục đích quốc phòng, an ninh và thông báo cho Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Tổ chức, cá nhân khác phải ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện nếu có khả năng gây nhiễu có hại cho tần số và thiết bị vô tuyến điện của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cho đến khi kết thúc tình huống quy định tại điểm a khoản này.”;

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

*Phương án 1: Không bổ sung khoản 4 Điều 45 nếu bổ sung điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều 18*

*Phương án 2: Nếu không bổ sung điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều 18 thì bổ sung khoản 4 Điều 45 như sau:*

“4. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh cần sử dụng tần số vô tuyến điện được phân bổ riêng phục vụ quốc phòng, an ninh để kết hợp phát triển kinh tế phải có phương án sử dụng băng tần báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo nguyên tắc phương án sử dụng kết hợp không làm ảnh hưởng đến việc đảm bảo quốc phòng, an ninh và sự cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông.”

1. **Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 1 Điều 46 như sau:**
2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 46 như sau:

“a) Quy định việc quản lý, sử dụng tần số vô tuyến điện được phân bổ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch tần số vô tuyến điện;”;

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 46 như sau:

*Phương án 1: Không sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 46 nếu không bổ sung khoản 4 Điều 45*

*Phương án 2: Nếu bổ sung khoản 4 Điều 45 thì sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 46 như sau:*

“c) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, Chứng chỉ vô tuyến điện viên trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; tổ chức thu và nộp ngân sách nhà nước các khoản thu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này;”.

1. **Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số điều như sau:**

a) Thay thế cụm từ “quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia” bằng cụm từ “quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia” và bổ sung cụm từ “, tránh tích tụ” sau cụm từ “quốc gia” tại khoản 7 Điều 10;

b) Thay cụm từ “Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Chính phủ” tại khoản 3 Điều 25 và tại khoản 3 Điều 26;

c) Bỏ cụm từ “hoạt động ở cự ly ngắn, có công suất hạn chế,” tại điểm a khoản 1 Điều 27;

d) Bổ sung cụm từ “và kiểm tra các đăng ký tần số, quỹ đạo vệ tinh của nước ngoài” sau cụm từ “vệ tinh” tại khoản 8 Điều 30;

đ) Bổ sung cụm từ “, thiết bị điện, điện tử, thiết bị ứng dụng sóng vô tuyến điện” sau cụm từ “thiết bị vô tuyến điện” tại khoản 3 Điều 39;

e) Thay cụm từ “Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an” bằng cụm từ “Chính phủ” tại khoản 2 Điều 40;

g) Bỏ cụm từ “theo quy định tại Điều 44 của Luật này” tại điểm d khoản 1 Điều 43;

h) Bổ sung cụm từ “trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt” sau cụm từ “sau đây” tại khoản 2 Điều 46;

i) Bãi bỏ khoản 3 Điều 8;

k) Bãi bỏ khoản 3 Điều 19.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan**

1. Bổ sung khoản 228 sau khoản 227 Phụ lục IV Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau:

“Đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên”.

2. Bổ sung cụm từ “, tần số vô tuyến điện” sau cụm từ “phòng, chống tác hại của rượu, bia” tại khoản 1 Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

2. Việc đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

**Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

1. Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, chứng chỉ vô tuyến điện viên đã cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng cho đến hết thời hạn được ghi trong giấy phép, chứng chỉ.

2. Tổ chức đã được cấp giấy phép sử dụng băng tần để thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất mà hết hạn sử dụng trước ngày 06 tháng 9 năm 2023, thì được xem xét gia hạn theo quy định tại Điều 16 và các điểm a, b và c khoản 1 Điều 22 của Luật này tối đa đến hết ngày 15 tháng 9 năm 2024 và không phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho thời gian được gia hạn.

3. Tổ chức đã được cấp giấy phép sử dụng băng tần để thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất mà hết hạn sử dụng trước ngày 16 tháng 9 năm 2024 thì không phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện cho đến hết thời hạn được ghi trong giấy phép và không được gia hạn.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo quy hoạch băng tần đối với các băng tần đã cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 và 3 Điều này chậm nhất trước ngày 01 tháng 8 năm 2023. Đối với khối băng tần được xem xét cấp lại mà sử dụng chung tần số vô tuyến điện theo giấy phép sử dụng băng tần đã cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thì được xem xét cấp lại theo hiện trạng sử dụng.

5. Việc đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên tiếp tục được thực hiện theo quy định của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2024.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ..... tháng … năm 2022.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**  **Vương Đình Huệ** |